

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và
sử dụng các khoản phí, lệ phí về đất đai
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 257/TTr-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí về đất đai trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí về đất đai trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí về đất đai trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 08 tháng 6 năm 2026.

5. Nghị quyết này bãi bỏ các Nghị quyết sau:

a) Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

b) Bãi bỏ một phần:

- Khoản 6, 9, 10 Điều 1; khoản 5 Điều 2; khoản 6, 9, 10 Điều 3 và khoản 5 Điều 4 quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

- Khoản 2, 4 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

- Khoản 2, 3 Điều 1 Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Điểm c, đ, e khoản 1 Điều 3 và điểm c khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định miễn, giảm phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

- Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 1 Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định các loại phí thuộc lĩnh vực tài nguyên trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 1 Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh sửa đổi một số khoản của Điều 1 Nghị quyết số 08/2022/NĐ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của

Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các loại phí thuộc lĩnh vực tài nguyên trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Điểm đ, e, g, h, i khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre; Mục III Phần A Mức thu các loại phí và Phần B Mức thu các loại lệ phí của Phụ lục quy định mức thu, chế độ, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bến Tre kèm theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

- Mức thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai, phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại Điều 2 Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa XI, Kỳ họp chuyên đề lần thứ Nhất thông qua ngày 29 tháng 5 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán nhà nước khu vực IX;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin điều hành;
- Báo và phát thanh, truyền hình Vĩnh Long;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Dũng

QUY ĐỊNH

**Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí,
lệ phí về đất đai trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **05** /2026/NQ-HĐND)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí bao gồm: Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai, Phí đăng ký giao dịch bảo đảm; Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

b) Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Các khoản phí

1. Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là khoản thu đối với công việc thẩm định hồ sơ, các điều kiện cần và đủ đảm bảo việc thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cấp lần đầu, cấp mới, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận và chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp) theo quy định của pháp luật.

a) Người nộp phí:

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu hoặc cần phải thẩm định hồ sơ, các điều kiện cần và đủ đảm bảo việc thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cấp mới, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận và chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp) hoặc cần phải thẩm định theo quy định đối với trường hợp được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành thẩm định để giao đất, cho thuê đất.

b) Đối tượng miễn thu phí:

Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất trong khu tái định cư, cụm, tuyến dân cư vùng lũ, giao đất để xây nhà tình thương, nhà tình nghĩa. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được giao đất do trúng đấu giá phần diện tích 30% nền sinh lợi trong cụm, tuyến dân cư vùng ngập lũ thì không được miễn nộp phí thẩm định hồ sơ cấp quyền sử dụng đất.

Tổ chức được nhà nước giao để quản lý, giao đất để xây dựng, mở rộng, nâng cấp các công trình công cộng không cấp Giấy chứng nhận.

Người sử dụng đất là hộ nghèo (có sổ hộ nghèo), người cao tuổi từ đủ 75 tuổi trở lên, người khuyết tật có giấy chứng nhận của cấp có thẩm quyền, người có đất bị thu hồi hoặc hiến đất để xây dựng nhà tình nghĩa, tình thương.

Mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động, người thờ cúng Liệt sĩ, Thương binh hạng 1/4, 2/4.

Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Chứng nhận thay đổi thông tin về địa danh do tách, nhập đơn vị hành chính hoặc thay đổi từ chứng minh nhân dân sang căn cước công dân khi người sử dụng đất có nhu cầu chỉnh lý trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp; Chứng nhận biên động diện tích do sạt lở tự nhiên. Trừ trường hợp cấp đổi giấy chứng nhận hoặc thực hiện ghép với thủ tục đăng ký biến động khác.

c) Tổ chức thu phí:

Phí thẩm định áp dụng đối với trường hợp bao gồm cấp lần đầu, cấp mới, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận và chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: Ủy ban nhân dân các xã, phường (cơ quan có chức năng quản lý đất đai tại các xã, phường), Văn phòng đăng ký đất đai.

d) Mức thu phí bao gồm cấp lần đầu, cấp mới, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận và chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp.

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu theo hình thức trực tiếp	Mức thu theo hình thức trực tuyến
1	Cấp giấy chứng nhận lần đầu đơn lẻ			
1.1	Đối với hộ gia đình, cá nhân			
a	Đối với đất	đồng/hồ sơ	190.000	95.000
b	Đối với tài sản	đồng/hồ sơ	190.000	95.000
c	Đối với đất và tài sản	đồng/hồ sơ	240.000	120.000
1.2	Đối với tổ chức			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu theo hình thức trực tiếp	Mức thu theo hình thức trực tuyến
a	Đối với đất	đồng/hồ sơ	250.000	125.000
b	Đối với tài sản	đồng/hồ sơ	250.000	125.000
c	Đối với đất và tài sản	đồng/hồ sơ	300.000	150.000
2	Cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận riêng lẻ			
2.1	Đối với hộ gia đình, cá nhân			
a	Đối với đất	đồng/hồ sơ	190.000	95.000
b	Đối với tài sản	đồng/hồ sơ	190.000	95.000
c	Đối với đất và tài sản	đồng/hồ sơ	240.000	120.000
2.2	Đối với tổ chức			
a	Đối với đất	đồng/hồ sơ	250.000	125.000
b	Đối với tài sản	đồng/hồ sơ	250.000	125.000
c	Đối với đất và tài sản	đồng/hồ sơ	300.000	150.000
3	Đăng ký biến động đất đai			
3.1	Đối với hộ gia đình, cá nhân			
a	Đối với đất	đồng/hồ sơ	190.000	95.000
b	Đối với tài sản	đồng/hồ sơ	190.000	95.000
c	Đối với đất và tài sản	đồng/hồ sơ	240.000	120.000
3.2	Đối với tổ chức			
a	Đối với đất	đồng/hồ sơ	250.000	125.000
b	Đối với tài sản	đồng/hồ sơ	250.000	125.000
c	Đối với đất và tài sản	đồng/hồ sơ	300.000	150.000

2. Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai

Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai là khoản thu đối với người có nhu cầu khai thác và sử dụng tài liệu về đất đai của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý hồ sơ, tài liệu về đất đai (như: cơ quan nhà nước, Ủy ban nhân dân xã, phường) nhằm bù đắp chi phí quản lý, phục vụ việc khai thác và sử dụng tài liệu đất đai và bù đắp chi phí cho hoạt động thu phí. Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai bao gồm cả bản đồ quy hoạch sử dụng đất, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ chuyên đề, bản đồ địa chính.

a) Người nộp phí:

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (kể cả cá nhân nước ngoài và tổ chức nước ngoài) có nhu cầu khai thác và sử dụng tài liệu về đất đai.

b) Đối tượng miễn thu phí:

Người sử dụng đất là hộ nghèo (có sổ hộ nghèo), người cao tuổi từ đủ 75 tuổi trở lên, người khuyết tật có giấy chứng nhận của cấp có thẩm quyền.

Mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động, người thờ cúng Liệt sĩ, Thương binh hạng 1/4, 2/4.

Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

c) Tổ chức thu phí: Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp và thu phí

d) Mức thu phí

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Cung cấp trực tiếp (Đối với thông tin dạng giấy)	Cung cấp qua bưu chính công ích (Đối với thông tin dạng giấy)	Cung cấp trực tuyến
1	Bản đồ quy hoạch sử dụng đất (Tờ A1 hoặc A0)	Mảnh	170.000	175.000	87.000
2	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất (Tờ A1 hoặc A0)	Mảnh	170.000	175.000	87.000
3	Bản đồ chuyên đề (Tờ A1 hoặc A0)	Mảnh	170.000	175.000	87.000
4	Bản đồ địa chính (Tờ A1 hoặc A0)	Mảnh	170.000	175.000	87.000
5	Thông tin thửa đất kèm theo sơ đồ thửa đất thể hiện kích thước cạnh và số thửa giáp cận	Thửa	45.000	50.000	25.000
6	Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận, chuyển Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở, công trình và tài sản khác gắn liền với đất (không bao gồm bản sao Giấy chứng nhận)	Hồ sơ	155.000	160.000	80.000

3. Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Phí đăng ký giao dịch bảo đảm

Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (phí cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất) là khoản thu đối với người có yêu cầu cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm bù đắp chi phí thực hiện công việc, dịch vụ cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và bù đắp chi phí cho hoạt động thu phí.

Phí đăng ký giao dịch bảo đảm (phí đăng ký biện pháp bảo đảm) là khoản thu khi thực hiện chứng nhận đăng ký đối với biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm bù đắp chi phí cho việc thực hiện công việc, dịch vụ đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và bù đắp chi phí cho hoạt động thu phí.

a) Người nộp phí:

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và đăng ký giao dịch bảo đảm.

b) Đối tượng miễn thu phí:

Người sử dụng đất là hộ nghèo (có sổ hộ nghèo), người cao tuổi từ đủ 75 tuổi trở lên, người khuyết tật có giấy chứng nhận của cấp có thẩm quyền.

Mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động, người thờ cúng Liệt sĩ, Thương binh hạng 1/4, 2/4.

Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

c) Đối tượng không áp dụng thu phí:

Các cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng thuộc một trong các lĩnh vực cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn quy định tại Điều 4 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và khoản 3, 4 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP và được ghi nhận cụ thể các lĩnh vực cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn khi thực hiện chứng nhận đăng ký đối với biện pháp bảo đảm.

Chỉnh lý thông tin có sai sót trong nội dung đã được đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký theo quy định.

Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án dân sự, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án dân sự, xóa thông báo việc kê biên của Chấp hành viên theo quy định của pháp luật thi hành án.

Thay đổi thông tin của tổ chức, cá nhân sau khi được cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm.

Chấp hành viên yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản kê biên.

Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động tố tụng.

d) Tổ chức thu phí: Văn phòng đăng ký đất đai.

đ) Mức thu phí:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu trực tiếp	Mức thu trực tuyến
1	Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm (bao gồm cả trường hợp cung cấp văn bản chứng nhận hoặc bản sao văn bản chứng nhận về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án)	đồng/trường hợp	23.000	11.000
2	Phí đăng ký giao dịch bảo đảm			
a	Đăng ký giao dịch bảo đảm	đồng/GCN	80.000	40.000
b	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm	đồng/GCN	30.000	15.000
c	Đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký	đồng/GCN	60.000	30.000
d	Xóa đăng ký giao dịch bảo đảm	đồng/GCN	20.000	10.000
đ	Cấp bản sao văn bản chứng nhận nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm	đồng/GCN	25.000	12.000

Điều 3. Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là khoản thu mà tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phải nộp khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất. Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất gồm: Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất; chứng nhận đăng ký biến động về đất đai; trích lục bản đồ địa chính; văn bản; số liệu hồ sơ địa chính.

1. Người nộp lệ phí:

Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có nhu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

2. Đối tượng miễn thu lệ phí:

a) Hộ gia đình, cá nhân đăng ký thường trú tại các xã trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân có đăng ký thường trú tại các phường nhưng có đất tọa lạc tại các xã khi được cấp giấy chứng nhận thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với phần đất thuộc khu vực các xã.

b) Người sử dụng đất là hộ nghèo (có sổ hộ nghèo), người cao tuổi từ đủ 75 tuổi trở lên, người khuyết tật có giấy chứng nhận của cấp có thẩm quyền, người có đất bị thu hồi hoặc hiến đất để xây dựng nhà tình nghĩa, tình thương.

c) Mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động, người thờ cúng Liệt sĩ, Thương binh hạng 1/4, 2/4.

d) Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất trong cụm, tuyến dân cư vùng ngập lũ, giao đất để xây nhà tình thương, nhà tình nghĩa. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được giao đất do trúng đấu giá phần diện tích 30% nền sinh lợi trong cụm, tuyến dân cư vùng lũ thì không được miễn nộp lệ phí hồ sơ cấp quyền sử dụng đất.

đ) Chứng nhận thay đổi thông tin về địa danh do tách, nhập đơn vị hành chính hoặc thay đổi từ chứng minh nhân dân sang căn cước công dân khi người sử dụng đất có nhu cầu chỉnh lý trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp (không bao gồm cấp đổi giấy chứng nhận hoặc thực hiện ghép với thủ tục đăng ký biến động khác); Chứng nhận biến động diện tích do sạt lở tự nhiên.

e) Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

3. Tổ chức thu lệ phí: Ủy ban nhân dân các xã, phường (cơ quan có chức năng quản lý đất đai tại các xã, phường); Văn phòng đăng ký đất đai.

4. Mức thu lệ phí:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu theo hình thức trực tiếp	Mức thu theo hình thức trực tuyến
1	Đối với hộ gia đình, cá nhân			
a	Đối với đất	đồng/hồ sơ	20.000	0
b	Đối với tài sản	đồng/hồ sơ	20.000	0
c	Đối với đất và tài sản	đồng/hồ sơ	30.000	0
2	Đối với tổ chức			
a	Đối với đất	đồng/hồ sơ	30.000	0
b	Đối với tài sản	đồng/hồ sơ	30.000	0
c	Đối với đất và tài sản	đồng/hồ sơ	40.000	0

Điều 4. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí

1. Các khoản phí quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 2 Quy định này

a) Đối với tổ chức thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập

Để lại đơn vị sự nghiệp thu phí 85%; nộp vào ngân sách nhà nước 15%.

Nguồn thu được trích để lại cho tổ chức thu phí để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ thu phí theo quy định của pháp luật.

b) Đối với tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước

Ủy ban nhân dân các xã, phường (cơ quan có chức năng quản lý đất đai tại các xã, phường): Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước.

2. Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

Tổ chức thu lệ phí thực hiện nộp toàn bộ số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước. Các khoản chi phí liên quan đến công tác thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Việc khai, thu, nộp phí, lệ phí và quyết toán phí được thực hiện theo Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí và các văn bản pháp luật khác có liên quan.